

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN RHB VIỆT NAM

---o0o---

ĐIỀU LỆ

Ngày 30 tháng 12 năm 2021

(Sửa đổi lần 2)

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN RHB VIỆT NAM

CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;
- Giấy phép Thành lập và Hoạt động Số 126/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp cho CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN RHB VIỆT NAM, được chuyển đổi từ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM, ngày 29 tháng 01 năm 2019;
- Giấy phép Điều chỉnh số 55/GPDC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp cho CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN RHB VIỆT NAM ngày 25 tháng 09 năm 2019 thay đổi Người đại diện Pháp luật
- Giấy phép Điều chỉnh số 10/GPDC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp cho CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN RHB VIỆT NAM ngày 19 tháng 02 năm 2020 thay đổi địa chỉ trụ sở chính
- Giấy phép Điều chỉnh số 59/GPDC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp cho CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN RHB VIỆT NAM ngày 10 tháng 09 năm 2020 thay đổi Người đại diện Pháp luật
- Quyết định của Chủ sở hữu Công ty tại Nghị quyết số 02/2021/NQRHBIB ngày 30 tháng 12 năm 2021

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1.1. Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những thuật ngữ sau đây sẽ có nghĩa như được quy định dưới đây:

“ Điều ”	là một điều của Điều Lệ này.
“ Chủ Tịch ”	là chủ tịch Hội Đồng Thành Viên của Công Ty.
“ Vốn Điều Lệ ”	là tổng giá trị số vốn do chủ sở hữu đã góp và được ghi vào Điều Lệ Công Ty.
“ Công ty ”	là Công Ty TNHH Chứng Khoán RHB Việt Nam, được chuyển đổi từ Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Việt Nam.

- “Ngày Thành Lập”** là ngày cấp Giấy phép Thành lập và Hoạt động lần đầu của Công Ty.
- “Ban Giám Đốc”** là Ban Giám Đốc của Công Ty như được quy định tại Điều 24.
- “Tổng Giám Đốc”** là người do Hội Đồng Thành Viên bổ nhiệm hoặc thuê để điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công Ty, có các nhiệm vụ được quy định tại khoản 5, Điều 24.
- “Ban Kiểm Toán Nội Bộ”** là ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội Đồng Thành Viên có chức năng được quy định tại khoản 1, Điều 23.
- “Bộ Phận Kiểm Soát Nội Bộ”** là bộ phận kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Giám Đốc có chức năng được quy định tại khoản 1, Điều 27.
- “Luật Doanh Nghiệp”** là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 .
- “Luật Chứng Khoán”** là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2019.
- “Pháp Luật”** là Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và tất cả các quy định có liên quan tới công ty chứng khoán tại từng thời điểm.
- “Người Quản Lý Công Ty”** bao gồm (các) Thành Viên của Hội Đồng Thành Viên, Tổng Giám Đốc và các thành viên khác trong Ban Giám Đốc, giám đốc chi nhánh và các cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công Ty theo quy định tại Điều Lệ này.
- “Thành Viên”** là thành viên Hội Đồng Thành Viên của Công Ty.
- “Hội Đồng Thành Viên”** là hội đồng thành viên của Công Ty.
- “Chủ Sở Hữu”** là chủ sở hữu của Công Ty có thông tin cụ thể được mô tả tại Điều 13 của Điều Lệ này.
- “Người Có Liên Quan”** là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau theo quy định của Luật Chứng Khoán và Luật Doanh Nghiệp;
- “Bộ Phận Quản Trị Rủi Ro”** là bộ phận quản trị rủi ro trực thuộc Ban Giám Đốc, có chức năng như quy định tại khoản 3, Điều 27.
- “Ban Quản Trị Rủi Ro”** là ban quản trị rủi ro trực thuộc Hội Đồng Thành Viên, có chức năng được quy định tại khoản 2, Điều 23.
- “UBCK”** là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- “Việt Nam”** là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- 1.2. Trong Điều Lệ này, việc tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những văn bản sửa đổi hoặc thay thế cho điều khoản hoặc văn bản đó.
- 1.3. Các tiêu đề (chương, Điều của Điều Lệ) được đưa vào để thuận tiện cho việc theo dõi và không ảnh hưởng tới ý nghĩa, nội dung của Điều Lệ.

- 1.4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán sẽ có nghĩa tương tự trong Điều Lệ này nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh.

Điều 2. Tên, hình thức pháp lý, trụ sở, mạng lưới hoạt động và thời hạn hoạt động của Công ty

2.1. Tên Công ty:

- a. Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: Công Ty TNHH Chứng Khoán RHB Việt Nam
- b. Tên tiếng Anh: RHB Securities Vietnam Company Limited
- c. Tên giao dịch: RHB Securities Vietnam Co., Ltd
- d. Tên viết tắt: RHB Securities Vietnam Co., Ltd

2.2. Hình thức pháp lý của Công Ty:

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được cấp Giấy phép Thành lập và Hoạt động theo quy định của Luật Chứng Khoán.

2.3. Trụ sở Công Ty:

- a. Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 15, Tòa nhà IDMC Mỹ Đình, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam
- b. Điện thoại: (8424) 39446066 Fax: (8424) 39446070 Email:
- c. Địa chỉ trang web: <http://rhbsecurities.vn/>

2.4. Mạng lưới hoạt động của Công Ty:

- a. Công ty có thể có chi nhánh, phòng giao dịch và văn phòng đại diện để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công Ty, phù hợp với quyết định của Hội Đồng Thành Viên trong phạm vi Pháp Luật cho phép;
- b. Chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện là những đơn vị phụ thuộc của Công Ty và Công Ty phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về hoạt động của chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện của mình;
- c. Công Ty chỉ hoạt động kinh doanh chứng khoán, cung cấp dịch vụ chứng khoán tại trụ sở chính, chi nhánh và phòng giao dịch đã được UBCK chấp thuận;
- d. Tên chi nhánh, phòng giao dịch hoặc văn phòng đại diện phải mang tên Công Ty kèm theo cụm từ: chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện và tên riêng để phân biệt.

2.5. Thời hạn hoạt động của Công Ty:

Thời hạn hoạt động của Công Ty sẽ bắt đầu từ Ngày Thành Lập và là vô thời hạn, trừ trường hợp Công ty bị giải thể theo quy định tại Điều Lệ này hoặc bị phá sản theo pháp luật về phá sản.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật

- 3.1. Người đại diện theo pháp luật của Công Ty là cá nhân đại diện cho Công Ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công Ty, đại diện cho Công Ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước trọng tài, tòa án và thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp Luật.

- 3.2. Người đại diện theo pháp luật của Công Ty:
- a. Chức danh của người đại diện theo pháp luật: Tổng Giám Đốc.
 - b. Quyền của người đại diện theo pháp luật: người đại diện theo pháp luật có các quyền quy định tại khoản 1, Điều 3 của Điều Lệ này và các quy định Pháp Luật khác có liên quan.
 - c. Trách nhiệm và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật:
 - Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực và cẩn trọng, tối đa trong khả năng của mình để đảm bảo các lợi ích hợp pháp của Công Ty;
 - Trung thành với các lợi ích của Công Ty; không sử dụng các thông tin, bí mật và cơ hội kinh doanh của Công Ty; không lạm dụng vị trí và quyền hạn của mình và không sử dụng tài sản của Công Ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - Thông báo kịp thời, đầy đủ và chính xác cho Công ty về doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có cổ phần, hay phần vốn góp chi phối; và
 - Các trách nhiệm và nghĩa vụ khác theo Điều Lệ này và các quy định Pháp Luật có liên quan.
- 3.3. Trường hợp người đại diện theo pháp luật xuất cảnh khỏi Việt Nam thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật. Trong trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ đã ủy quyền.
- 3.4. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo khoản 3 Điều này mà người đại diện theo pháp luật của Công Ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công Ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công Ty trở lại làm việc tại Công Ty hoặc cho đến khi Hội Đồng Thành Viên quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công Ty.
- 3.5. Trường hợp người đại diện theo pháp luật duy nhất vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật hoặc bị chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì Chủ Sở Hữu Công Ty hoặc Hội Đồng Thành Viên cử người khác làm đại diện theo pháp luật của Công Ty.
- 3.6. Trong một số trường hợp đặc biệt, người đại diện theo pháp luật do Tòa án có thẩm quyền chỉ định trong quá trình tố tụng tại tòa án.

Điều 4. Phạm vi hoạt động kinh doanh

- 4.1. Nghiệp vụ kinh doanh của Công Ty là:
- a. Môi giới chứng khoán;
 - b. Tự doanh chứng khoán; và

- c. Tư vấn đầu tư chứng khoán.
- 4.2. Ngoài các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán quy định tại khoản 1, Điều 4 này, Công Ty được cung cấp dịch vụ lưu ký chứng khoán, tư vấn tài chính, nhận ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư và các dịch vụ tài chính khác theo quy định của Bộ Tài chính.
- 4.3. Công Ty có thể bổ sung hoặc rút bớt một hoặc một số nghiệp vụ kinh doanh nêu tại khoản 1, Điều 4 này sau khi được UBCK chấp thuận.

Điều 5. Mục tiêu hoạt động

Mục tiêu của Công ty là tham gia vào các lĩnh vực kinh doanh như được quy định tại khoản 1, Điều 4 trên đây.

Điều 6. Nguyên tắc hoạt động

Trong suốt quá trình hoạt động, Công ty phải tuân thủ tất cả các nguyên tắc sau:

- 6.1. Tuân thủ pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và pháp luật có liên quan.
- 6.2. Thực hiện hoạt động kinh doanh một cách công bằng, trung thực.
- 6.3. Ban hành quy trình nghiệp vụ, quy trình kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro, quy tắc đạo đức hành nghề phù hợp với nghiệp vụ kinh doanh của Công Ty.
- 6.4. Đảm bảo nguồn lực về con người, vốn và cơ sở vật chất cần thiết để phục vụ cho hoạt động kinh doanh chứng khoán và tuân thủ quy định của Pháp Luật.
- 6.5. Tách biệt về văn phòng làm việc, nhân sự, hệ thống dữ liệu và báo cáo giữa các bộ phận nghiệp vụ để đảm bảo tránh xung đột lợi ích giữa Công Ty với khách hàng hoặc giữa các khách hàng với nhau. Công Ty phải công bố cho khách hàng biết trước về những xung đột lợi ích có thể phát sinh giữa Công Ty, người hành nghề và khách hàng.
- 6.6. Bố trí người hành nghề chứng khoán phù hợp với nghiệp vụ hoạt động kinh doanh. Người hành nghề chứng khoán thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán không được đồng thời thực hiện nghiệp vụ môi giới chứng khoán.
- 6.7. Dự báo giá hoặc khuyến nghị giao dịch liên quan đến một loại chứng khoán cụ thể trên các phương tiện truyền thông phải ghi rõ cơ sở phân tích và nguồn trích dẫn thông tin.
- 6.8. Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp.

Điều 7. Quyền của Công ty

- 7.1. Có tất cả các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp nếu các quyền đó không mâu thuẫn với quy định của Luật Chứng khoán.
- 7.2. Cung cấp các dịch vụ về chứng khoán và các dịch vụ tài chính trong phạm vi pháp luật cho phép.
- 7.3. Thực hiện thu phí, lệ phí phù hợp với quy định của Bộ Tài chính.
- 7.4. Ưu tiên sử dụng lao động trong nước, bảo đảm quyền và lợi ích của người lao động theo quy định của Bộ Luật Lao động, tôn trọng quyền tổ chức công đoàn theo quy định của Pháp Luật.

- 7.5. Ký hợp đồng bằng văn bản với khách hàng về các giao dịch chứng khoán và các dịch vụ cung cấp cho khách hàng.
- 7.6. Trong chừng mực được Pháp Luật và Điều Lệ này cho phép, tiến hành bất cứ việc kinh doanh nào mà Công Ty có thể có khả năng tiến hành một cách thuận lợi liên quan đến việc kinh doanh của Công Ty, hoặc được tính, một cách trực tiếp hoặc gián tiếp, là để nâng cao giá trị hoặc đem lại lợi nhuận cho bất cứ tài sản hoặc quyền nào của Công Ty.
- 7.7. Trong chừng mực được Pháp Luật cho phép, có được và nắm giữ toàn bộ hoặc bất cứ phần hoạt động kinh doanh, tài sản, và nghĩa vụ của bất cứ người hoặc công ty nào đang tiến hành bất cứ việc kinh doanh nào mà Công Ty được phép tiến hành, hoặc sở hữu tài sản phù hợp cho các mục đích của Công Ty.
- 7.8. Trong chừng mực được Pháp Luật cho phép, đệ đơn xin, mua, hoặc có được bằng cách khác bất cứ sáng chế, quyền đối với sáng chế, quyền tác giả, nhãn hiệu, công thức, li-xăng, nhượng quyền, và các loại hình tương tự, trao bất cứ quyền sử dụng độc quyền hoặc không độc quyền hoặc sử dụng hạn chế nào, hoặc bất cứ bí mật hoặc thông tin nào khác về, bất cứ sáng chế nào có thể sử dụng được để phục vụ cho các hoạt động kinh doanh của Công Ty và/hoặc cho bất cứ mục đích nào của Công Ty, hoặc việc có được chúng có thể được tính, một cách trực tiếp hoặc gián tiếp, là làm lợi cho Công Ty; và sử dụng, thực hiện, phát triển, hoặc cấp li-xăng, hoặc làm lợi bằng cách khác, đối với tài sản, các quyền hoặc thông tin khác có được như vậy.
- 7.9. Trong chừng mực được Pháp Luật cho phép, hợp nhất hoặc tham gia vào quan hệ hợp danh hoặc bất cứ thu xếp chia lợi nhuận, kết hợp quyền lợi, hợp tác, liên doanh, nhượng quyền qua lại, hoặc hình thức khác, với bất cứ người hoặc công ty nào đang tiến hành hoặc tham gia hoặc chuẩn bị tiến hành hoặc tham gia vào bất cứ việc kinh doanh hoặc giao dịch nào mà Công Ty được phép tiến hành hoặc tham gia, hoặc bất cứ việc kinh doanh hoặc giao dịch nào có khả năng được thực hiện để trực tiếp hoặc gián tiếp mang lợi cho Công Ty theo các quy định của Pháp Luật.
- 7.10. Trong chừng mực được Pháp Luật cho phép, sở hữu, hoặc có được bằng cách khác, và nắm giữ cổ phần, công cụ nợ hoặc chứng khoán khác của bất cứ công ty nào khác theo các quy định của Pháp Luật.
- 7.11. Trong chừng mực được Pháp luật cho phép, tham gia vào bất cứ thu xếp nào với bất cứ chính phủ hoặc cơ quan có thẩm quyền nào ở cấp trung ương, thành phố, địa phương hoặc cơ quan khác mà được xem là có thể có lợi cho các mục tiêu của Công Ty, hoặc bất cứ mục tiêu nào trong các mục tiêu của Công Ty; và có được từ bất cứ chính phủ hoặc cơ quan nào như vậy bất cứ các quyền, đặc quyền và nhượng quyền nào mà Công Ty mong muốn cần phải có được; và tiến hành, thực hiện, và tuân thủ bất cứ các thu xếp, các quyền, đặc quyền, và nhượng quyền nào nêu trên.
- 7.12. Trong chừng mực được Pháp Luật cho phép, thành lập và hỗ trợ hoặc trợ giúp việc thành lập và hỗ trợ các hiệp hội, tổ chức, quỹ, quỹ ủy thác, và tiện ích khác được tính là làm lợi cho các nhân viên hoặc các giám đốc hoặc các cựu nhân viên hoặc cựu giám đốc của Công Ty hoặc những người tiền nhiệm của Công Ty trong việc kinh doanh, hoặc những người phụ thuộc hoặc những người thân thuộc của bất cứ người nào nêu trên; và cấp lương hưu và trợ cấp, và thực hiện các khoản thanh toán bảo hiểm; và đăng ký góp hoặc bảo đảm tiền cho các đối tượng từ thiện hoặc hảo tâm, hoặc cho bất cứ cuộc triển lãm, hoặc cho bất cứ đối tượng cộng đồng, chung hoặc có ích nào.

- 7.13. Trong chừng mực được Pháp Luật cho phép, mua, thuê hoặc trao đổi, mượn và có được bằng cách khác bất cứ động sản hoặc bất động sản và bất cứ quyền hoặc đặc quyền nào và cụ thể là bất cứ đất đai, nhà cửa, quyền về lối đi qua bất động sản liền kề, máy móc, nhà máy và cổ phiếu đang giao dịch mà Công Ty thấy cần thiết hoặc tiện lợi cho các mục đích kinh doanh của Công Ty.
- 7.14. Trong chừng mực được Pháp Luật cho phép, đầu tư và xử lý khoản tiền chưa cần ngay của Công ty theo cách được coi là phù hợp tùy từng thời điểm.
- 7.15. Trong chừng mực được Pháp Luật cho phép, vay hoặc huy động hoặc bảo đảm thanh toán tiền theo cách mà Công Ty xét thấy thích hợp và bảo đảm cho việc cho vay hoặc huy động hoặc hoàn trả hoặc việc thực hiện bất cứ khoản nợ, nghĩa vụ, hợp đồng, bảo lãnh hoặc cam kết nào khác phát sinh hoặc ký kết bởi Công Ty theo bất cứ cách nào và cụ thể là bằng việc phát hành các công cụ nợ vĩnh viễn/vô hạn hoặc hình thức khác, được đảm bảo bằng toàn bộ hoặc bất cứ tài sản nào của Công Ty (cả hiện tại và tương lai); và mua, mua lại, hoặc thanh toán cho bất kì khoản bảo đảm nào như vậy.
- 7.16. Trong chừng mực được Pháp Luật cho phép, trả thù lao cho bất cứ người hoặc công ty nào cho các dịch vụ được cung cấp hoặc sẽ được cung cấp, trong việc bán hoặc trợ giúp bán hoặc bảo lãnh bán bất cứ phần vốn nào của Công Ty hoặc bất cứ công cụ nợ nào, hoặc các chứng khoán khác của Công Ty, hoặc trong hoặc về việc tổ chức, xây dựng hoặc phát triển Công Ty hoặc tiến hành công việc kinh doanh của Công Ty theo các quy định của Pháp Luật.
- 7.17. Trong chừng mực được Pháp Luật cho phép, sử dụng các biện pháp quảng bá và quảng cáo việc kinh doanh và các sản phẩm của Công Ty được xem là phù hợp với các quy định của Pháp luật.
- 7.18. Trong chừng mực được Pháp Luật cho phép, bảo đảm cho Công Ty được đăng ký hoặc công nhận tại bất kì quốc gia và nơi nào khác ngoài Việt Nam.
- 7.19. Trong chừng mực được Pháp Luật cho phép, thực hiện hoặc nhận các cầm cố, quyền cầm giữ, thế chấp hoặc biện pháp bảo đảm khác để bảo đảm thanh toán giá mua, hoặc bất cứ phần còn lại chưa thanh toán nào của giá mua, bất cứ phần tài sản thuộc bất cứ loại nào của Công ty đã được Công ty bán, hoặc bất cứ khoản tiền nào mà các bên mua và các bên khác phải trả cho Công ty theo các quy định của Pháp Luật có liên quan.
- 7.20. Các quyền khác theo quy định của Pháp Luật.

Điều 8. Nghĩa vụ của Công Ty

8.1. Nguyên tắc chung:

- a. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- b. Thiết lập hệ thống kiểm toán nội bộ, kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và giám sát, ngăn ngừa những xung đột lợi ích trong nội bộ Công Ty và trong giao dịch với người có liên quan;
- c. Tuân thủ các nguyên tắc về quản trị công ty theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ Công Ty;
- d. Tuân thủ các quy định về an toàn tài chính theo quy định của Bộ Tài chính;
- e. Mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán tại Công ty hoặc trích lập quỹ bảo vệ nhà đầu tư để bồi thường thiệt hại

cho nhà đầu tư do sự cố kỹ thuật trong Công Ty hoặc sơ suất của nhân viên Công Ty, nếu Pháp Luật có yêu cầu;

- f. Lưu giữ đầy đủ các chứng từ và tài khoản phản ánh chi tiết, chính xác tất cả các giao dịch của khách hàng và của Công Ty;
- g. Tuân thủ các quy định của Bộ Tài chính về thực hiện nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán;
- h. Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, thống kê, nghĩa vụ tài chính theo quy định của Pháp Luật có liên quan;
- i. Thực hiện công bố thông tin, báo cáo và lưu trữ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- j. Đóng góp vào quỹ hỗ trợ thanh toán theo quy định Pháp Luật liên quan; và
- k. Các nghĩa vụ khác theo quy định Pháp Luật.

8.2. Nghĩa vụ của Công Ty đối với Chủ Sở Hữu:

- a. Phân định rõ trách nhiệm giữa Hội Đồng Thành Viên và Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên để quản lý phù hợp với quy định của Pháp Luật;
- b. Thiết lập hệ thống thông tin liên lạc với Chủ Sở Hữu để đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ và nhằm mục đích duy trì các quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ Sở Hữu;
- c. Không được thực hiện các hành vi sau:
 - (i) Cam kết về thu nhập, lợi nhuận cho Chủ Sở Hữu;
 - (ii) Nắm giữ bất hợp pháp các lợi ích, thu nhập từ phần vốn góp của Chủ Sở Hữu;
 - (iii) Cung cấp tài chính hoặc bảo lãnh cho Chủ Sở Hữu một cách trực tiếp hoặc gián tiếp; cho vay dưới mọi hình thức đối với Chủ Sở Hữu, thành viên Hội Đồng Thành Viên, thành viên Ban Giám Đốc, kế toán trưởng, Người Quản Lý Công Ty khác và Người Có Liên Quan của những đối tượng này;
 - (iv) Xâm phạm đến các quyền của Chủ Sở Hữu như: Quyền sở hữu, quyền được cung cấp thông tin và các quyền và lợi ích hợp pháp khác.

8.3. Nghĩa vụ đối với khách hàng:

- a. Luôn giữ chữ tín với khách hàng, không xâm phạm tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp khác của khách hàng;
- b. Quản lý tách biệt tiền và chứng khoán của từng khách hàng, quản lý tách biệt tiền và chứng khoán của khách hàng với tiền và chứng khoán của Công Ty. Mọi giao dịch bằng tiền của khách hàng phải được Công Ty thực hiện qua ngân hàng. Không lạm dụng các tài sản do khách hàng ủy thác cho Công Ty quản lý và tiền thanh toán giao dịch của khách hàng hoặc chứng khoán của khách hàng lưu ký tại Công Ty;

- c. Ký hợp đồng bằng văn bản với khách hàng khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng; cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin cho khách hàng khi thực hiện dịch vụ mà mình cung cấp;
- d. Chỉ đưa ra lời tư vấn phù hợp với khách hàng trên cơ sở nỗ lực thu thập thông tin về khách hàng: Thu thập, tìm hiểu thông tin về tình hình tài chính, mục tiêu đầu tư, khả năng chấp nhận rủi ro, kỳ vọng lợi nhuận của khách hàng và cập nhật thông tin theo quy định của Pháp Luật. Bảo đảm các khuyến nghị, tư vấn đầu tư của Công Ty cho khách hàng phải phù hợp với từng khách hàng;
- e. Chịu trách nhiệm về độ tin cậy của những thông tin công bố cho khách hàng. Đảm bảo rằng khách hàng đưa ra các quyết định đầu tư trên cơ sở đã được cung cấp thông tin đầy đủ, bao gồm cả nội dung và rủi ro của sản phẩm, dịch vụ cung cấp. Nghiêm cấm mọi hành vi gian dối và công bố thông tin sai sự thật;
- f. Thận trọng, không tạo ra xung đột lợi ích với khách hàng. Trong trường hợp không thể tránh được xung đột lợi ích, Công Ty phải thông báo trước cho khách hàng và áp dụng các biện pháp cần thiết để đảm bảo đối xử công bằng với khách hàng;
- g. Ưu tiên thực hiện lệnh của khách hàng trước lệnh của Công Ty;
- h. Thiết lập một bộ phận chuyên trách, chịu trách nhiệm thông tin liên lạc với khách hàng và giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của khách hàng;
- i. Hoàn thành nghĩa vụ của mình với khách hàng một cách tốt nhất;
- j. Bảo mật thông tin của khách hàng:
 - (i) Công Ty có trách nhiệm bảo mật các thông tin liên quan đến sở hữu chứng khoán và tiền của khách hàng, từ chối việc điều tra, phong tỏa, cầm giữ, trích chuyển tài sản của khách hàng mà không có sự đồng ý của khách hàng;
 - (ii) Quy định tại Điểm này không áp dụng trong các trường hợp sau đây:
 - Kiểm toán viên thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công Ty;
 - Cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- k. Tuân thủ với tất cả các quy định bắt buộc khác của Pháp Luật.

Điều 9. Các quy định về cấm và hạn chế

9.1. Quy định cấm và hạn chế đối với Công Ty:

- a. Không được đưa ra nhận định hoặc bảo đảm với khách hàng về mức thu nhập hoặc lợi nhuận có thể đạt được trên khoản đầu tư của mình hoặc bảo đảm khách hàng không bị thua lỗ, ngoại trừ trường hợp đầu tư vào chứng khoán có thu nhập cố định;
- b. Không được thỏa thuận hoặc đưa ra lãi suất cụ thể hoặc chia sẻ lợi nhuận/thua lỗ với khách hàng để lôi kéo khách hàng tham gia giao dịch;
- c. Không được trực tiếp hoặc gián tiếp thiết lập các địa điểm ngoài các địa điểm giao dịch đã được UBCK chấp thuận để ký hợp đồng, nhận lệnh, thực hiện

lệnh giao dịch chứng khoán hoặc thanh toán giao dịch chứng khoán với khách hàng;

- d. Không được nhận lệnh hay thanh toán giao dịch với người khác không phải là người đứng tên tài khoản giao dịch mà không có ủy quyền bằng văn bản của người đứng tên tài khoản giao dịch đó;
- e. Không sử dụng tên hoặc tài khoản của khách hàng để đăng ký, giao dịch chứng khoán cho mục đích riêng của Công Ty;
- f. Không chiếm dụng chứng khoán, tiền hoặc tạm giữ chứng khoán của khách hàng theo hình thức lưu ký dưới tên Công Ty;
- g. Không được tiết lộ thông tin về khách hàng trừ khi được khách hàng đồng ý hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền;
- h. Không được thực hiện những hành vi làm cho khách hàng và nhà đầu tư hiểu nhầm về giá chứng khoán;
- i. Hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng khoán không được chứa đựng những thoả thuận nhằm trốn tránh nghĩa vụ pháp lý của Công Ty, hạn chế phạm vi bồi thường của Công Ty, chuyển rủi ro từ Công Ty sang khách hàng hoặc buộc khách hàng thực hiện nghĩa vụ bồi thường một cách không công bằng và các thoả thuận gây bất lợi một cách không công bằng cho khách hàng;
- j. Không được cho khách hàng vay tiền để mua chứng khoán, trừ các trường hợp được phép theo quy định của Pháp Luật và của Bộ Tài chính;
- k. Các quy định của Pháp Luật về cấm và hạn chế khác tại từng thời điểm.

9.2. Quy định cấm và hạn chế đối với người hành nghề chứng khoán:

- a. Trừ trường hợp được cử là thành viên Hội Đồng Thành Viên của Công Ty, người quản lý của Chủ Sở Hữu hoặc người đại diện phần vốn góp hoặc thành viên của hội đồng thành viên, hội đồng quản trị, ban kiểm soát của công ty khác mà Công Ty đầu tư, người hành nghề chứng khoán không được:
 - (i) Đồng thời làm việc cho tổ chức khác có quan hệ sở hữu với Công Ty;
 - (ii) Đồng thời làm việc cho công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ khác;
 - (iii) Đồng thời làm giám đốc hoặc tổng giám đốc của một tổ chức chào bán chứng khoán ra công chúng hoặc tổ chức niêm yết;
- b. Chỉ được mở tài khoản giao dịch chứng khoán cho mình (nếu có) tại Công Ty; và
- c. Khi thực hiện các nghiệp vụ của Công Ty, người hành nghề chứng khoán là người thay mặt cho Công Ty để thực hiện các giao dịch với khách hàng. Công Ty phải chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của người hành nghề chứng khoán. Không được sử dụng tiền, chứng khoán trong tài khoản của khách hàng khi không được Công Ty ủy quyền bằng văn bản theo sự ủy thác của khách hàng cho Công Ty bằng văn bản.

9.3. Quy định cấm và hạn chế đối với Thành Viên của Hội Đồng Thành Viên, thành viên Ban Giám Đốc:

- a. Thành Viên của Hội Đồng Thành Viên của Công Ty không được đồng thời là thành viên hội đồng quản trị, thành viên hội đồng thành viên, giám đốc (tổng giám đốc) của công ty chứng khoán khác tại Việt Nam;
- b. Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc không được đồng thời làm việc cho công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ hoặc doanh nghiệp khác. Tổng Giám Đốc không được là thành viên hội đồng quản trị, thành viên hội đồng thành viên của công ty chứng khoán khác tại Việt Nam.

Chương II

VỐN ĐIỀU LỆ, PHẦN VỐN GÓP; CHỦ SỞ HỮU

Mục 1

VỐN ĐIỀU LỆ, PHẦN VỐN GÓP

Điều 10. Vốn Điều lệ

Vốn Điều Lệ của Công Ty là 135.000.000.000 VND (bằng chữ: Một trăm ba mươi lăm tỷ Đồng Việt Nam), đã được góp đủ vào ngày thông qua Điều Lệ này.

Điều 11. Chuyển nhượng phần vốn góp

- 11.1. Chủ Sở Hữu có thể chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ Vốn Điều Lệ của mình cho người khác phù hợp với quy định của Pháp Luật.
- 11.2. Giao dịch làm thay đổi quyền sở hữu phần vốn góp chiếm từ 10% Vốn Điều Lệ trở lên, giao dịch dẫn tới tỷ lệ sở hữu của Chủ Sở Hữu vượt qua hoặc xuống dưới các mức sở hữu 10%, 25%, 50%, 75% Vốn Điều Lệ của Công Ty phải được UBCK chấp thuận cho giao dịch chuyển nhượng vốn đó, trừ trường hợp chuyển nhượng theo quyết định của tòa án.
- 11.3. Bất kỳ giao dịch chuyển nhượng nào dẫn đến bất kỳ thay đổi nào về loại hình doanh nghiệp của Công Ty phải được UBCK chấp thuận cho việc chuyển đổi đó theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 12. Cách thức tăng, giảm Vốn Điều Lệ

- 12.1. Sau khi chính thức đi vào hoạt động, Công Ty có thể tăng, giảm Vốn Điều Lệ theo quyết định của Chủ Sở Hữu nếu đáp ứng quy định của Pháp Luật hiện hành.
- 12.2. Cách thức tăng Vốn Điều Lệ của Công Ty:
 - a. Tăng vốn góp của Chủ Sở Hữu;
 - b. Tiếp nhận vốn góp của thành viên mới, trong trường hợp này, Công Ty phải chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty trách nhiệm hữu hạn từ hai thành viên trở lên hoặc công ty cổ phần theo quy định của Pháp Luật tại thời điểm đó;
 - c. Kết chuyển lợi nhuận để lại, các nguồn vốn hợp lệ khác theo quy định của Pháp Luật;
 - d. Chuyển nợ thành vốn góp theo thỏa thuận giữa Công Ty và chủ nợ.
- 12.3. Cách thức giảm Vốn Điều Lệ của Công Ty



Việc giảm Vốn Điều Lệ do Chủ Sở Hữu quyết định nhưng vẫn phải đảm bảo điều kiện về vốn pháp định và có thể thanh toán tất cả các khoản nợ và nghĩa vụ đến hạn sau khi giảm vốn theo quy định Pháp Luật.

Mục 2

CHỦ SỞ HỮU, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Điều 13. Thông tin về Chủ Sở Hữu

- Tên Chủ Sở Hữu : RHB Investment Bank Berhad
- Giấy phép thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh : Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 19663-P cấp ngày 05/08/1974 do Ủy ban Công Ty của Malaysia cấp
- Địa chỉ trụ sở chính : Level 10, Tower 1, RHB Center, Jalan Tun Razak, 50400 Kuala Lumpur, Malaysia
- Đặc điểm cơ bản : Chủ Sở Hữu là tổ chức tín dụng được cấp phép thành lập tại Malaysia

Điều 14. Quyền của Chủ Sở Hữu Công Ty

- 14.1. Quyết định nội dung Điều Lệ Công Ty, sửa đổi, bổ sung Điều Lệ Công Ty.
- 14.2. Quyết định chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công Ty và các quy chế nội bộ của Công Ty.
- 14.3. Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý Công Ty, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Người Quản Lý Công Ty.
- 14.4. Quyết định các dự án đầu tư phát triển của Công Ty.
- 14.5. Quyết định các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ.
- 14.6. Thông qua hợp đồng vay, cho vay và các hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn hai mươi lăm phần trăm (25%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty.
- 14.7. Quyết định mua hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn hai mươi lăm phần trăm (25%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty.
- 14.8. Quyết định tăng hoặc giảm Vốn Điều Lệ của Công Ty; chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ Vốn Điều Lệ của Công Ty cho tổ chức hoặc cá nhân khác.
- 14.9. Quyết định thành lập công ty con, góp vốn vào công ty khác.
- 14.10. Tổ chức giám sát và đánh giá hoạt động kinh doanh của Công Ty.
- 14.11. Quyết định việc sử dụng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của Công Ty.
- 14.12. Quyết định tổ chức lại, giải thể và yêu cầu phá sản Công Ty.
- 14.13. Thu hồi toàn bộ giá trị tài sản của Công Ty sau khi Công Ty hoàn thành thủ tục giải thể hoặc phá sản.
- 14.14. Quyết định về thù lao, trợ cấp và các lợi ích khác cho các thành viên Hội Đồng Thành Viên, Tổng Giám Đốc và các thành viên khác trong Ban Giám Đốc.

14.15. Quyền khác do Công Ty quyết định phù hợp với Pháp Luật hiện hành.

Các quyền của Chủ Sở Hữu ở trên phải được thực hiện thông qua Hội Đồng Thành Viên của Công Ty theo quy định tại Điều 17 của Điều Lệ này, trừ trường hợp được quy định rõ ràng tại Điều 17 rằng cần phải có một chấp thuận riêng biệt của Chủ Sở Hữu.

Điều 15. Nghĩa vụ của Chủ Sở Hữu Công Ty

- 15.1. Góp đầy đủ và đúng hạn Vốn Điều Lệ Công Ty.
- 15.2. Tuân thủ Điều Lệ Công Ty.
- 15.3. Phải xác định và tách biệt tài sản của Chủ Sở Hữu Công Ty và tài sản của Công Ty.
- 15.4. Tuân thủ quy định của pháp luật về hợp đồng và pháp luật có liên quan trong việc mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê và các giao dịch khác giữa Chủ Sở Hữu và Công Ty.
- 15.5. Chủ Sở Hữu Công Ty chỉ được quyền rút vốn bằng cách chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ số Vốn Điều Lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác; trường hợp rút một phần hoặc toàn bộ vốn đã góp ra khỏi Công Ty dưới hình thức khác thì Chủ Sở Hữu và cá nhân, tổ chức có liên quan phải liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công Ty.
- 15.6. Chủ Sở Hữu Công Ty không được rút lợi nhuận khi Công Ty không thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.
- 15.7. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ Công Ty.

Chương III

QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Điều 16. Bộ máy quản trị điều hành của Công Ty

- 16.1. Hội Đồng Thành Viên.
- 16.2. Ban Giám Đốc và Tổng Giám Đốc.

I. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Điều 17. Thành phần, quyền và nghĩa vụ của Hội Đồng Thành Viên

- 17.1. Chủ Sở Hữu, bằng quyết định của mình tại từng thời điểm, bổ nhiệm không ít hơn ba (3) hoặc không nhiều hơn bảy (7) cá nhân đáp ứng đầy đủ các điều kiện bắt buộc của Pháp Luật để nhân danh Chủ Sở Hữu thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ Sở Hữu được quy định tại tại Điều Lệ này ("**Đại Diện Theo Ủy Quyền**"). Hội Đồng Thành Viên được cấu thành bởi tất cả các Đại Diện Theo Ủy Quyền. Mỗi Đại Diện Theo Ủy Quyền là một thành viên của Hội Đồng Thành Viên ("**Thành Viên**"). Nhiệm kỳ của các Thành Viên do Chủ Sở Hữu quyết định, nhưng không được quá 5 năm kể từ ngày bổ nhiệm, với số lần tái bổ nhiệm không hạn chế.
- 17.2. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, và thay thế Thành Viên phải được lập bằng văn bản và thông báo cho Công Ty. Các quyết định này có hiệu kể từ ngày thông báo cho Công Ty.

Nhiệm kỳ của Thành Viên của Hội Đồng Thành Viên sẽ chấm dứt nếu:

- a. người đó từ chức bằng cách gửi một thông báo bằng văn bản cho Công Ty;
 - b. người đó không được tái bổ nhiệm hoặc bị miễn nhiệm hoặc thay thế bởi Chủ Sở Hữu; hoặc
 - c. người đó vắng mặt từ 25% tổng số các cuộc họp của Hội Đồng Thành Viên được tổ chức trong mỗi năm tài chính trừ khi được Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên chấp thuận trước.
- 17.3. Hội Đồng Thành Viên, nhân danh Chủ Sở Hữu, thực hiện tất cả các quyền và nghĩa vụ của Chủ Sở Hữu, trừ các trường hợp phải được Chủ Sở Hữu chấp thuận theo quy định tại điểm c, khoản 6, Điều 17 của Điều Lệ này và quy định Pháp Luật hiện hành; và nhân danh Công Ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty trừ các quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám Đốc; chịu trách nhiệm trước Pháp Luật và Chủ Sở Hữu Công Ty về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và các quy định Pháp Luật khác có liên quan.
- 17.4. Mỗi Thành Viên phải cố gắng hết sức tham gia đầy đủ tất cả các buổi họp của Hội Đồng Thành Viên và thực hiện các quyền và nghĩa vụ được ủy quyền một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất, để bảo vệ các lợi ích hợp pháp của Chủ Sở Hữu.
- 17.5. Mỗi Thành viên phải chịu trách nhiệm trước Chủ Sở Hữu đối với việc vi phạm bất kì nghĩa vụ nào được quy định trong Điều Lệ này. Chủ Sở Hữu chịu trách nhiệm trước bên thứ ba đối với trách nhiệm phát sinh liên quan đến quyền và nghĩa vụ được thực hiện thông qua các Thành Viên.
- 17.6. Hội Đồng Thành Viên có các quyền và nghĩa vụ sau:
- a. Thiết lập và thông qua một quy trình chuẩn về triệu tập họp, bỏ phiếu và biểu quyết tại cuộc họp Hội Đồng Thành Viên; xây dựng và thông qua quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội Đồng Thành Viên và Ban Giám Đốc; xây dựng và thông qua cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với Ban Giám Đốc và những Người Quản Lý Công Ty khác;
 - b. Thiết lập các bộ phận hoặc cử người thực hiện kiểm toán nội bộ và quản trị rủi ro nhằm quy định chính sách chiến lược quản lý rủi ro trong hoạt động của Công Ty và kiểm tra, đánh giá về sự phù hợp, hiệu quả của hệ thống quản trị rủi ro đã được thiết lập trong Công Ty;
 - c. Thực hiện tất cả các quyền và nghĩa vụ theo Điều 14 và 15 của Điều Lệ này, và các quyền và nghĩa vụ khác nhân danh Chủ Sở Hữu như quy định trong Điều Lệ này. Nghị quyết và quyết định của Hội Đồng Thành Viên liên quan đến các vấn đề được quy định trong Điều 14 và 15 có hiệu lực kể từ ngày ban hành hoặc thời điểm khác được quy định cụ thể trong nghị quyết hoặc quyết định đó mà không cần có sự chấp thuận của Chủ Sở Hữu, trừ các vấn đề sau cần phải có một quyết định/chấp thuận riêng biệt của Chủ Sở Hữu:
 - (i) chỉnh sửa Điều Lệ;
 - (ii) tăng hoặc giảm Vốn Điều Lệ của Công Ty;
 - (iii) chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần Vốn Điều Lệ của Công Ty cho tổ chức hoặc cá nhân khác;
 - (iv) thành lập công ty con hoặc góp vốn vào công ty khác;

- (v) tổ chức lại hoặc giải thể và yêu cầu phá sản Công Ty;
- (vi) bổ nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội Đồng Thành Viên;
- (vii) quyết định thù lao, trợ cấp và các lợi ích khác cho các Thành Viên của Hội Đồng Thành Viên.

Điều 18. Cuộc họp Hội Đồng Thành Viên

18.1. Số lượng và địa điểm họp

- a. Hội Đồng Thành Viên tổ chức họp ít nhất ba tháng một lần;
- b. Cuộc họp của Hội Đồng Thành Viên có thể được tổ chức tại trụ sở chính của Công Ty hoặc một địa điểm được ghi rõ tại thông báo mời họp Hội Đồng Thành Viên. Cuộc họp Hội Đồng Thành Viên có thể được tổ chức tại Việt Nam hoặc ở nước ngoài.

18.2. Triệu tập họp Hội Đồng Thành Viên

- a. Hội Đồng Thành Viên được triệu tập họp theo yêu cầu của Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên hoặc theo yêu cầu của 02 Thành Viên bất kỳ.

Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên chuẩn bị chương trình họp, nội dung tài liệu và triệu tập họp Hội Đồng Thành Viên. Chương trình họp phải được gửi cho các Thành Viên trước buổi họp. Thành Viên có quyền kiến nghị bổ sung nội dung chương trình họp bằng văn bản. Kiến nghị phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của Pháp Luật.

Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên phải chấp thuận kiến nghị và bổ sung chương trình họp Hội Đồng Thành Viên nếu kiến nghị đó có đủ nội dung theo quy định và được gửi đến trụ sở chính của Công Ty không muộn hơn ba (3) ngày làm việc trước ngày họp Hội Đồng Thành Viên.

Thông báo mời họp Hội Đồng Thành Viên phải có hình thức là giấy mời và được gửi trực tiếp đến từng Thành Viên Hội Đồng Thành Viên không muộn hơn bảy (7) ngày trước ngày họp trừ khi yêu cầu đó được các Thành Viên miễn trừ. Nội dung thông báo mời họp phải xác định rõ ngày, thời gian, địa điểm và chương trình họp.

Tài liệu họp phải được gửi cho Thành Viên trước khi họp. Tài liệu sử dụng trong cuộc họp liên quan đến quyết định về sửa đổi, bổ sung Điều Lệ Công Ty, thông qua phương hướng phát triển Công Ty, thông qua báo cáo tài chính hàng năm, tổ chức lại hoặc giải thể Công Ty phải được gửi đến các Thành Viên chậm nhất bảy (07) ngày làm việc trước ngày họp. Thời hạn gửi các tài liệu khác là chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp trừ khi yêu cầu này được các Thành Viên miễn trừ.

- b. Trường họp Thành Viên yêu cầu họp Hội Đồng Thành Viên, yêu cầu triệu tập họp Hội Đồng Thành Viên đó phải được lập thành văn bản gửi đến Công Ty và phải có đầy đủ các nội dung chủ yếu sau đây:
 - (i) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân họp pháp khác của các Thành Viên đó;
 - (ii) Lý do yêu cầu triệu tập họp Hội Đồng Thành Viên và vấn đề cần giải quyết;

- (iii) Dự kiến chương trình họp;
- (iv) Họ tên và chữ ký của từng Thành Viên yêu cầu.

Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên phải triệu tập họp trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Nếu yêu cầu triệu tập họp Hội Đồng Thành Viên không có đủ nội dung theo quy định nêu trên thì Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên phải thông báo bằng văn bản cho Thành Viên, nhóm Thành Viên có liên quan biết trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu.

Trường hợp Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên không triệu tập họp Hội Đồng Thành Viên theo quy định thì phải chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật về thiệt hại xảy ra đối với Công Ty và các Thành Viên có liên quan. Trong trường hợp này, Thành Viên hoặc nhóm Thành Viên đã yêu cầu triệu tập họp Hội Đồng Thành Viên có quyền triệu tập họp Hội Đồng Thành Viên và được Công Ty hoàn lại chi phí hợp lý cho việc triệu tập họp này.

Điều 19. Điều kiện họp và thể thức tiến hành họp Hội Đồng Thành Viên

19.1. Số thành viên dự họp tối thiểu:

Cuộc họp Hội Đồng Thành Viên được tiến hành khi có số Thành Viên dự họp chiếm ít nhất hai phần ba (2/3) tổng số Thành Viên Hội Đồng Thành Viên. Không công việc nào được giải quyết tại một cuộc họp Hội Đồng Thành Viên nếu không đủ số lượng Thành Viên dự họp tối thiểu. Mỗi Thành Viên có một phiếu biểu quyết có giá trị như nhau.

19.2. Một hoặc một vài Thành Viên Hội Đồng Thành Viên có thể tham gia họp Hội Đồng Thành Viên thông qua phương tiện nghe, hoặc nghe và nhìn, hoặc cách thức liên lạc tương tự khác, miễn là đảm bảo có thể liên lạc đồng thời với mọi Thành Viên dự họp trong suốt buổi họp. Việc tham dự như vậy cũng được coi là có mặt tại buổi họp.

19.3. Người Quản Lý Công Ty hoặc người khác không phải là Thành Viên có thể tham gia cuộc họp Hội Đồng Thành Viên nếu được Hội Đồng Thành Viên mời dự họp và có thể đưa ra ý kiến về các vấn đề mà Hội Đồng Thành Viên thảo luận, nhưng không được quyền biểu quyết.

19.4. Hội Đồng Thành Viên có thể chỉ định một thư kí (không phải là một Thành Viên) để lập và hoàn thiện biên bản của cuộc họp đó.

Điều 20. Thông qua quyết định của Hội Đồng Thành Viên

20.1. Hội Đồng Thành Viên thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản, hoặc quyết định được ký luân chuyển hoặc một hình thức khác do Hội Đồng Thành Viên quyết định và được Pháp Luật cho phép tại từng thời điểm.

20.2. Quyết định của Hội Đồng Thành Viên được thông qua khi có hơn một nửa số Thành Viên dự họp tán thành, trừ các quyết định về việc (i) sửa đổi hoặc bổ sung Điều Lệ Công Ty; (ii) tổ chức lại Công Ty; (iii) chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ Vốn Điều Lệ của Công Ty, phải được ít nhất ba phần tư (3/4) số Thành Viên dự họp tán thành. Trong trường hợp số phiếu tán thành và không tán thành bằng nhau, quyết định cuối cùng sẽ được lựa chọn theo biểu quyết của Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên.

20.3. Thành Viên được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Hội Đồng Thành Viên trong trường hợp sau đây:

- a. Thành Viên đó tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Thành Viên đó tham dự và biểu quyết thông qua thiết bị viễn thông liên lạc tức thời.
- 20.4. Quyết định của Hội Đồng Thành Viên, trong trường hợp không tổ chức họp mà thông qua lấy ý kiến bằng văn bản hoặc gửi quyết định tới tất cả các Thành Viên để họ chấp thuận hoặc thông qua, được coi là thông qua nếu quyết định đó được tán thành, kí và thông qua bởi tất cả Thành Viên có quyền nhận thông báo mời họp Hội Đồng Thành Viên. Quyết định phải được xem là có hiệu lực như thể quyết định đó được thông qua tại cuộc họp Hội Đồng Thành Viên được triệu tập họp lệ. Quyết định đó có thể được lập thành một số lượng bản bất kỳ và được ký bởi các Thành Viên khác nhau trên mỗi bản tách biệt và mỗi bản có chữ ký của mỗi Thành Viên có thể được gửi bằng fax hoặc hình thức liên lạc tương tự khác cho Công Ty. Bản sao của bất kỳ quyết định nào như vậy phải được lưu trong sổ biên bản được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.
- 20.5. Nghị quyết/quyết định của Hội Đồng Thành Viên có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ ngày có hiệu lực được ghi rõ trong nghị quyết/quyết định đó, trừ các nghị quyết/quyết định về các vấn đề nêu tại điểm c, khoản 6, Điều 17 sẽ có hiệu lực kể từ ngày được Chủ Sở Hữu chấp thuận.

Điều 21. Biên bản họp Hội Đồng Thành Viên

- 21.1. Cuộc họp Hội đồng thành viên phải được ghi biên bản, có thể được ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác.
- 21.2. Biên bản họp Hội Đồng Thành Viên phải làm xong và thông qua ngay trước khi kết thúc cuộc họp. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của Luật Doanh Nghiệp.
- 21.3. Người ký biên bản và chủ tọa cuộc họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội Đồng Thành Viên.
- 21.4. Biên bản cuộc họp sẽ được lưu vào sổ biên bản lưu giữ tại trụ sở Công Ty. Các biên bản đã ký họp lệ sẽ là bằng chứng về nội dung cuộc họp và nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

Điều 22. Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên

- 22.1. Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên do Chủ Sở Hữu Công Ty bổ nhiệm.
- 22.2. Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên không được đồng thời là Tổng Giám Đốc của Công Ty.
- 22.3. Nhiệm kỳ của Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên không được quá 05 năm. Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- 22.4. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên:
 - a. Chuẩn bị chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội Đồng Thành Viên;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu họp Hội Đồng Thành Viên hoặc để lấy ý kiến các Thành Viên;
 - c. Triệu tập và chủ trì cuộc họp Hội Đồng Thành Viên hoặc tổ chức việc lấy ý kiến các Thành Viên;

- d. Giám sát hoặc tổ chức giám sát việc thực hiện các quyết định của Hội Đồng Thành Viên;
 - e. Thay mặt Hội Đồng Thành Viên ký các quyết định của Hội Đồng Thành Viên; và
 - f. Các quyền và nhiệm vụ khác do Chủ Sở Hữu quyết định, theo quy định của Điều Lệ này và Luật Doanh Nghiệp.
- 22.5. Trường hợp Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên vắng mặt hoặc không đủ năng lực để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình thì Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên ủy quyền bằng văn bản cho một Thành Viên thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên theo quy tắc quy định tại khoản 6 Điều này. Trường hợp không có Thành Viên được ủy quyền thì một trong số các Thành Viên Hội Đồng Thành Viên triệu tập họp các thành viên còn lại bầu một (01) người trong số các Thành Viên tạm thời thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên theo nguyên tắc đa số.
- 22.6. Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên ủy quyền cho Thành Viên Hội Đồng Thành Viên thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình trên cơ sở sau:
- a. Việc ủy quyền được lập bằng văn bản;
 - b. Thành Viên được ủy quyền chỉ được thực hiện các quyền và nghĩa vụ được quy định cụ thể trong thư ủy quyền trong giới hạn các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên như được quy định trong Điều Lệ này và phù hợp với quy định của Pháp Luật.

Điều 23. Ban Kiểm Toán Nội Bộ và Ban Quản Trị Rủi Ro của Hội Đồng Thành Viên

- 23.1. Ban Kiểm Toán Nội Bộ thực hiện chức năng của mình trên nguyên tắc độc lập, trung thực, khách quan và bảo mật. Các chức năng, nhiệm vụ cụ thể của Ban Kiểm Toán Nội Bộ như sau:
- a. Đánh giá một cách độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách pháp luật, Điều Lệ Công Ty, các quyết định của Hội Đồng Thành Viên;
 - b. Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Giám Đốc nhằm hoàn thiện hệ thống này;
 - c. Đánh giá việc tuân thủ của hoạt động kinh doanh đối với các chính sách và quy trình nội bộ;
 - d. Tham mưu thiết lập các chính sách và quy trình nội bộ;
 - e. Đánh giá việc tuân thủ đầy đủ việc kiểm soát để đảm bảo an toàn tài sản cho Công Ty;
 - f. Đánh giá thông tin tài chính và quá trình kinh doanh của Công Ty;
 - g. Đánh giá quy trình xác định, đánh giá và quản lý rủi ro kinh doanh của Công Ty;
 - h. Đánh giá hiệu quả của các hoạt động của Công Ty;
 - i. Đánh giá việc tuân thủ các cam kết trong hợp đồng của Công Ty;
 - j. Đánh giá việc tuân thủ đầy đủ việc kiểm soát đối với hệ thống công nghệ thông tin;

- k. Điều tra các vi phạm trong nội bộ Công Ty;
 - l. Thực hiện kiểm toán nội bộ Công Ty và các công ty con;
 - m. Các chức năng và nhiệm vụ khác theo quy định Pháp Luật tại từng thời điểm.
- 23.2. Chức năng và nguyên tắc hoạt động của Ban Quản Trị Rủi Ro:
- a. Quy định chính sách, chiến lược quản lý rủi ro; các tiêu chuẩn đánh giá rủi ro và mức độ rủi ro tổng thể và và khẩu vị rủi ro của Công Ty và từng bộ phận trong Công Ty;
 - b. Đánh giá một cách độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách, quy trình rủi ro đã được thiết lập trong Công Ty;
 - c. Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống quản trị rủi ro trực thuộc Ban Giám Đốc nhằm hoàn thiện hệ thống này;
 - d. Hỗ trợ và đưa ra các chỉ đạo tổng thể đối với Ban Giám Đốc trong việc điều hướng Văn Hóa Rủi Ro và Sở Hữu Rủi Ro trong Công Ty;
 - e. Các chức năng và nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp Luật tại từng thời điểm.
- 23.3. Tùy theo các quy định của Pháp Luật tại từng thời điểm, thành viên của Ban Kiểm Toán Nội Bộ phải đáp ứng các yêu cầu sau:
- a. Không phải là người đã từng bị xử phạt từ mức phạt tiền trở lên đối với các hành vi vi phạm trong lĩnh vực chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm trong vòng năm (05) năm gần nhất tính tới năm được bổ nhiệm;
 - b. Trưởng Ban Kiểm Toán Nội Bộ phải là người có trình độ chuyên môn về luật, kế toán hoặc kiểm toán; Có đủ kinh nghiệm, uy tín, thẩm quyền để thực thi có hiệu quả nhiệm vụ được giao;
 - c. Không phải là người có liên quan đến các trưởng bộ phận chuyên môn, người thực hiện nghiệp vụ, Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc hoặc giám đốc chi nhánh trong Công Ty;
 - d. Có chứng chỉ chuyên môn Những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc Chứng chỉ hành nghề chứng khoán, và chứng chỉ chuyên môn Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;
 - e. Không kiêm nhiệm các công việc khác trong Công Ty.
- 23.4. Thành viên Ban Quản Trị Rủi Ro phải đáp ứng các yêu cầu và điều kiện theo quy định của Pháp Luật tại từng thời điểm (nếu có).

II. BAN GIÁM ĐỐC

Điều 24. Thành phần, nghĩa vụ và quyền hạn của Ban Giám Đốc

24.1. Thành phần Ban Giám Đốc gồm có:

- (i) Tổng Giám Đốc; và
- (ii) Phó Tổng Giám Đốc/Giám Đốc của Công Ty.

24.2. Thành viên Ban Giám Đốc do Hội Đồng Thành Viên bổ nhiệm hoặc thuê và bãi nhiệm. Nhiệm kỳ của Tổng Giám Đốc do Hội Đồng Thành Viên quyết định nhưng

không được quá (5) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của các thành viên khác trong Ban Giám Đốc do Hội Đồng Thành Viên quyết định, được ghi rõ trong thư bổ nhiệm hoặc hợp đồng lao động liên quan theo quy định của Pháp Luật.

- 24.3. Ban Giám Đốc phải thiết lập và duy trì hệ thống thực thi quản trị rủi ro nhằm đảm bảo ngăn ngừa các rủi ro có thể ảnh hưởng tới lợi ích của Công Ty và khách hàng; thiết lập và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ bao gồm cơ cấu tổ chức, nhân sự độc lập và chuyên trách. Các quy trình, quy định nội bộ áp dụng đối với tất cả các vị trí, đơn vị, bộ phận và hoạt động của Công Ty nhằm bảo đảm mục tiêu của Công Ty tuân thủ theo quy định của Pháp Luật.
- 24.4. Ban Giám Đốc phải xây dựng các quy định làm việc để Hội Đồng Thành Viên thông qua, quy định làm việc tối thiểu phải có các nội dung cơ bản sau đây:
- a. Trách nhiệm, nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên Ban Giám Đốc;
 - b. Quy định trình tự, thủ tục tổ chức và tham gia các cuộc họp;
 - c. Trách nhiệm báo cáo của Ban Giám Đốc đối với Hội Đồng Thành Viên, Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên.
- 24.5. Tổng Giám Đốc là người điều hành mọi hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công Ty, chịu sự giám sát của Hội Đồng Thành Viên, chịu trách nhiệm trước Hội Đồng Thành Viên và trước Pháp Luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng Giám Đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
- a. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Thành Viên;
 - b. Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công Ty;
 - c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công Ty;
 - d. Ban hành quy chế và hướng dẫn quản lý nội bộ Công Ty;
 - e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm nhân sự trong Công Ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội Đồng Thành Viên;
 - f. Ký kết hợp đồng nhân danh Công Ty, trừ các trường hợp:
 - Mở hay đóng tài khoản ngân hàng bao gồm việc thay đổi hay bãi bỏ chữ ký được ủy quyền, các điều kiện ký và phương thức điều hành tài khoản ngân hàng trừ khi được Hội Đồng Thành Viên phê duyệt; và
 - Các trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên;
 - g. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức Công Ty;
 - h. Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Hội Đồng Thành Viên; Báo cáo hàng quý về quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ cho Ban Quản Trị Rủi Ro và Ban Kiểm Toán Nội Bộ trực thuộc Hội Đồng Thành Viên;
 - i. Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - j. Tuyển dụng lao động; và
 - k. Các quyền và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều Lệ này và hợp đồng lao động ký với Công Ty theo quyết định của Hội Đồng Thành Viên.

24.6. Quyền lợi và trách nhiệm của thành viên Ban Giám Đốc trong quá trình thực thi nhiệm vụ:

a. Quyền lợi của thành viên Ban Giám Đốc:

- (i) Thành viên Ban Giám Đốc được quyền nhận tiền lương và thưởng theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. Tiền lương của thành viên Ban Giám Đốc do Hội Đồng Thành Viên quyết định;
- (ii) Tiền lương của thành viên Ban Giám Đốc được tính vào chi phí kinh doanh của Công Ty theo quy định của pháp luật hiện hành và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công Ty và được báo cáo tại cuộc họp thường niên của Hội Đồng Thành Viên.

b. Trách nhiệm của thành viên Ban Giám Đốc:

- (i) Thực hiện trách nhiệm của Người Quản Lý Công Ty theo đúng quy định tại văn bản bổ nhiệm tương ứng và quy định của Pháp Luật;
- (ii) Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ Công Ty.

Điều 25. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Thành viên Ban Giám Đốc, Tổng Giám Đốc

- 25.1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh Nghiệp; Không thuộc đối tượng đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chấp hành hình phạt tù hoặc hoặc bị tước quyền hành nghề theo quyết định của tòa án theo quy định Pháp Luật.
- 25.2. Tổng Giám Đốc phải có tối thiểu hai (02) năm kinh nghiệm làm việc tại bộ phận nghiệp vụ của các tổ chức trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm hoặc tại bộ phận tài chính, kế toán, đầu tư trong các doanh nghiệp khác;
- 25.3. Tổng Giám Đốc phải có chứng chỉ hành nghề phân tích tài chính hoặc chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ.
- 25.4. Tổng Giám Đốc không bị UBCK xử phạt theo pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán trong vòng sáu (06) tháng gần nhất tính đến thời điểm nộp hồ sơ.
- 25.5. Không được đồng thời làm thành viên hội đồng quản trị, hội đồng thành viên cho công ty chứng khoán khác tại Việt Nam; không đồng thời làm việc cho doanh nghiệp khác tại Việt Nam.
- 25.6. Tổng Giám Đốc phải đáp ứng các điều kiện quy định đối với giám đốc (tổng giám đốc) công ty chứng khoán theo quy định tại các văn bản pháp luật hướng dẫn về tổ chức và hoạt động công ty chứng khoán.

Điều 26. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám Đốc

Tổng Giám Đốc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- 26.1. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám Đốc theo quy định tại Điều 25 của Điều Lệ này;
- 26.2. Có đơn xin từ chức bằng văn bản gửi cho Công Ty;
- 26.3. Bị bãi nhiệm theo quyết định của Hội Đồng Thành Viên; và
- 26.4. Các trường hợp khác phù hợp với quy định của Pháp Luật hoặc do Công Ty quy định.

Điều 27. Bộ Phận Kiểm Soát Nội Bộ (Tuân Thủ) và Bộ Phận Quản Trị Rủi Ro thuộc Ban Giám Đốc

27.1. Bộ Phận Kiểm Soát Nội Bộ có chức năng và nhiệm vụ sau:

- a. Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định Pháp Luật, Điều Lệ Công Ty, quyết định/ng nghị quyết của Hội Đồng Thành Viên, các quy chế, quy trình nghiệp vụ, quy trình quản trị rủi ro của Công Ty, của các bộ phận có liên quan và của người hành nghề chứng khoán trong Công Ty;
- b. Giám sát thực thi các quy định nội bộ, các hoạt động tiềm ẩn xung đột lợi ích trong nội bộ Công Ty, đặc biệt đối với các hoạt động kinh doanh của bản thân Công Ty và các giao dịch cá nhân của nhân viên Công Ty; giám sát việc thực thi trách nhiệm của cán bộ, nhân viên trong Công Ty, thực thi trách nhiệm của đối tác đối với các hoạt động đã ủy quyền;
- c. Kiểm tra nội dung và giám sát việc thực hiện các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp;
- d. Giám sát việc tính toán và tuân thủ các quy định đảm bảo an toàn tài chính;
- e. Giám sát việc tách biệt tài sản của khách hàng với tài sản của Công Ty;
- f. Giám sát việc bảo quản, lưu giữ tài sản của khách hàng;
- g. Kiểm soát việc tuân thủ quy định của Pháp Luật về phòng, chống rửa tiền;
- h. Nội dung khác theo nhiệm vụ Tổng Giám Đốc giao.

27.2. Yêu cầu về nhân sự của Bộ Phận Kiểm Soát Nội Bộ:

- a. Bố trí tối thiểu 01 nhân viên làm kiểm soát tuân thủ
- b. Trưởng Bộ Phận Kiểm Soát Nội Bộ phải là người có trình độ chuyên môn về luật, kế toán hoặc kiểm toán; có đủ kinh nghiệm, chuyên môn và thẩm quyền để thực thi có hiệu quả nhiệm vụ được giao;
- c. Không phải là người có liên quan đến các trưởng bộ phận chuyên môn, người thực hiện nghiệp vụ, Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc, giám đốc chi nhánh trong Công Ty;
- d. Có chứng chỉ chuyên môn Những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc Chứng chỉ hành nghề chứng khoán, và chứng chỉ chuyên môn Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;
- e. Không kiêm nhiệm các công việc khác trong Công Ty;
- f. Yêu cầu khác do Công Ty quy định phù hợp với Pháp Luật tại từng thời điểm.

27.3. Bộ Phận Quản Trị Rủi Ro:

- a. Tổng Giám Đốc thiết lập một Bộ Phận Quản Trị Rủi Ro hoạt động độc lập với các bộ phận chuyên trách khác. Việc bổ nhiệm, bãi nhiệm trưởng Bộ Phận Quản Trị Rủi Ro thuộc Ban Giám Đốc phải được Hội Đồng Thành Viên Công Ty chấp thuận.
- b. Bộ Phận Quản Trị Rủi Ro có các công việc và nhiệm vụ như sau:
 - (i) Thường xuyên giám sát, đánh giá và đo lường mức độ rủi ro của Công Ty;

- (ii) Xem xét, điều chỉnh mô hình đánh giá và hệ thống đánh giá các công cụ tài chính mà các bộ phận kinh doanh chuyên trách sử dụng;
- (iii) Đề xuất cho Tổng Giám Đốc về các chính sách và hướng dẫn quản lý rủi ro;
- (iv) Đề xuất hạn mức rủi ro cho Công Ty, bao gồm giới hạn rủi ro cụ thể cho các bộ phận chuyên trách;
- (v) Đánh giá mức độ rủi ro và các tình huống tập trung rủi ro, thiệt hại thực tế phát sinh và thiệt hại dự tính bởi Bộ Phận Quản Trị Rủi Ro;
- (vi) Theo dõi để đảm bảo việc thực thi trên thực tế các chính sách về quản trị rủi ro, hạn chế rủi ro, quy trình quản lý rủi ro đã được Hội Đồng Thành Viên thông qua;
- (vii) Lập báo cáo hàng tháng về quản lý rủi ro trong phạm vi chức năng và công việc của mình để báo cáo với Tổng Giám Đốc.
- (viii) Trưởng bộ phận quản trị rủi ro thực hiện theo dõi, đánh giá hàng ngày trạng thái rủi ro của công ty chứng khoán.

Chương IV

XỬ LÝ MỐI QUAN HỆ VỚI CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN

Điều 28. Các tranh chấp nội bộ

28.1. Tranh chấp nội bộ có thể phát sinh:

- a. giữa Chủ Sở Hữu với Công Ty, Thành Viên Hội Đồng Thành Viên, Tổng Giám Đốc hoặc những Người Quản Lý Công Ty khác;
- b. giữa các Thành Viên trong Hội Đồng Thành Viên, Tổng Giám Đốc và những Người Quản Lý Công Ty khác.

28.2. Mọi tranh chấp nội bộ phát sinh trong quá trình hoạt động của Công Ty phải được xử lý theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ này.

Điều 29. Cách xử lý, giải quyết tranh chấp

- 29.1. Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp thông qua thương lượng và hoà giải. Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp, trừ khi tranh chấp có liên quan tới Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu hoặc chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.
- 29.2. Nếu một tranh chấp nội bộ không thể được giải quyết thông qua thương lượng và hoà giải, Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên phải trình tranh chấp này cho Chủ Sở Hữu xem xét. Quyết định của Chủ Sở Hữu liên quan đến việc giải quyết một tranh chấp nội bộ có giá trị quyết định và ràng buộc đối với các bên liên quan.
- 29.3. Trong phạm vi Pháp Luật cho phép, Chủ Sở Hữu có thể khởi kiện những Người Quản Lý Công Ty đối với hành vi vi phạm các quy định Pháp Luật và Điều Lệ Công Ty của họ gây thiệt hại cho Công Ty hoặc Chủ Sở Hữu.



Điều 30. Các hợp đồng, giao dịch của Công Ty với các bên liên quan

- 30.1. Tất cả các hợp đồng, giao dịch bất kể giá trị bao nhiêu giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Hội Đồng Thành Viên, Ban Giám Đốc xem xét quyết định:
- Chủ Sở Hữu và người có liên quan của Chủ Sở Hữu;
 - Thành Viên Hội Đồng Thành Viên, Tổng Giám Đốc;
 - Người có liên quan của những người quy định tại điểm b, khoản này;
 - Người quản lý của Chủ Sở Hữu, người có thẩm quyền bổ nhiệm những người quản lý đó;
 - Người có liên quan của những người quy định tại điểm d, khoản này.
- 30.2. Người ký kết hợp đồng phải thông báo cho Hội Đồng Thành Viên, Ban Giám Đốc về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng hoặc giao dịch đó. Đồng thời gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chính của giao dịch đó.
- 30.3. Hội Đồng Thành Viên, Tổng Giám Đốc phải quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận được thông báo, theo nguyên tắc đa số, mỗi người có một phiếu biểu quyết; người có liên quan đến các bên không có quyền biểu quyết.
- 30.4. Hợp đồng hoặc giao dịch quy định tại khoản 1 Điều này chỉ được chấp thuận khi có đủ các điều kiện sau đây:
- Các bên ký kết hợp đồng hoặc thực hiện giao dịch là những chủ thể pháp lý độc lập, có quyền, nghĩa vụ, tài sản và lợi ích riêng biệt;
 - Giá sử dụng trong hợp đồng hoặc giao dịch là giá thị trường tại thời điểm hợp đồng được ký kết hoặc giao dịch được thực hiện;
 - Chủ Sở Hữu Công Ty tuân thủ đúng nghĩa vụ của chủ sở hữu quy định tại Luật Doanh Nghiệp.
- 30.5. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật nếu được giao kết không đúng quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 của Điều này. Người ký kết hợp đồng, giao dịch và người có liên quan là các bên của hợp đồng phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại phát sinh và hoàn trả cho Công Ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

Điều 31. Chế độ báo cáo và công bố thông tin

31.1. Nghĩa vụ công bố thông tin

- Công Ty phải thực hiện chế độ công bố thông tin, báo cáo định kỳ và bất thường theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền một cách đầy đủ, kịp thời. Công Ty chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin, số liệu công bố, báo cáo;
- Việc công bố thông tin được thực hiện theo những cách thức nhằm đảm bảo cho Chủ Sở Hữu/Thành Viên Hội Đồng Thành Viên và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng tại cùng một thời điểm. Ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu, tránh gây nhầm lẫn cho Chủ Sở Hữu và công chúng đầu tư.

31.2. Nội dung công bố thông tin

- a. Công Ty thực hiện công bố thông tin liên quan đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công Ty gồm:
 - (i) Công bố thông tin định kỳ về báo cáo tài chính, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính và báo cáo khác theo quy định của Pháp Luật;
 - (ii) Công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra hoặc phát hiện sự kiện theo quy định của Pháp Luật;
 - (iii) Công bố thông tin theo yêu cầu của cơ quan quản lý có thẩm quyền.
 - b. Công Ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị của Công Ty trong các kỳ họp Hội Đồng Thành Viên hàng năm, trong báo cáo thường niên của Công Ty.
- 31.3. Tổ chức công bố thông tin: Công ty thực hiện xây dựng và ban hành các quy định về công bố thông tin theo quy định tại Luật Chứng Khoán và các văn bản hướng dẫn. Đồng thời, bổ nhiệm ít nhất một cán bộ chuyên trách về công bố thông tin đáp ứng yêu cầu sau:
- a. Có kiến thức kế toán, tài chính, có kỹ năng nhất định về tin học;
 - b. Công khai tên, số điện thoại làm việc để Chủ Sở Hữu và các Thành Viên Hội Đồng Thành Viên có thể dễ dàng liên hệ;
 - c. Có đủ thời gian để thực hiện chức trách của mình, đặc biệt là việc liên hệ với Chủ Sở Hữu/các Thành Viên Hội Đồng Thành Viên, ghi nhận những ý kiến của Chủ Sở Hữu/Thành Viên Hội Đồng Thành Viên và định kỳ công bố, giải đáp, trả lời những ý kiến đó và các vấn đề về quản trị Công Ty theo quy định.
- 31.4. Người công bố thông tin: Việc công bố thông tin phải do người đại diện theo pháp luật của Công Ty hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện. Người đại diện theo pháp luật của Công Ty phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin do người được ủy quyền công bố.

Chương V

QUẢN LÝ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN

Điều 32. Năm tài chính

- 32.1. Năm tài chính của Công Ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.
- 32.2. Năm tài chính đầu tiên của Công Ty bắt đầu từ Ngày Thành Lập và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm đó. Trường hợp năm tài chính đầu tiên của Công Ty ít hơn bốn (04) tháng, báo cáo tài chính của năm đó được kiểm toán gộp với báo cáo của năm tài chính tiếp theo.

Điều 33. Hệ thống kế toán

- 33.1. Công Ty sử dụng Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) và tuân thủ các chế độ kế toán dành cho công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản hướng dẫn kèm theo. Công Ty phải chịu sự kiểm tra của cơ quan Nhà nước về việc thực hiện chế độ kế toán - thống kê.
- 33.2. Công Ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu trữ hồ sơ, sổ sách kế toán theo loại hình hoạt động kinh doanh của Công Ty. Hồ sơ, sổ sách kế toán phải chính xác,

cập nhật, có hệ thống và đầy đủ để có thể chứng minh và giải trình các giao dịch của Công Ty.

Điều 34. Kiểm toán

- 34.1. Phụ thuộc vào yêu cầu cụ thể của Pháp Luật có hiệu lực tại từng thời điểm, báo cáo tài chính năm, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12, báo cáo tài chính bán niên, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 của Công Ty phải được một tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán và/hoặc soát xét theo đúng quy định.
- 34.2. Tổ chức kiểm toán độc lập và các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công Ty phải được UBCK chấp thuận. Hội Đồng Thành Viên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Tổng Giám Đốc quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công Ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện đã thỏa thuận với Hội Đồng Thành Viên. Trong cùng năm tài chính, Công Ty không được thay đổi tổ chức kiểm toán được chấp thuận, trừ trường hợp Hội Đồng Thành Viên thay đổi tổ chức kiểm toán được chấp thuận hoặc tổ chức kiểm toán được chấp thuận bị đình chỉ hoặc bị hủy bỏ tư cách được chấp thuận kiểm toán.
- 34.3. Sau khi kết thúc năm tài chính, Công Ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công Ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội Đồng Thành Viên trong vòng chín mươi (90) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
- 34.4. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công Ty.
- 34.5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công Ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Hội Đồng Thành Viên và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Hội Đồng Thành Viên mà các Thành Viên được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại cuộc họp Hội Đồng Thành Viên về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

Điều 35. Nguyên tắc phân phối lợi nhuận

Chủ Sở Hữu quyết định sử dụng lợi nhuận sau khi hoàn tất các nghĩa vụ về thuế và nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

Điều 36. Xử lý lỗ trong kinh doanh

Lỗ năm trước sẽ được xử lý trong năm kế tiếp khi năm kế tiếp đó Công Ty kinh doanh có lãi.

Điều 37. Trích lập các quỹ theo quy định

- 37.1. Hàng năm, Công Ty trích từ lợi nhuận sau thuế để lập các quỹ sau đây:
 - a. Quỹ dự trữ bổ sung Vốn Điều Lệ;
 - b. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ;
 - c. Quỹ khen thưởng, phúc lợi;
 - d. Các quỹ khác theo quy định của Pháp Luật.
- 37.2. Tỷ lệ trích lập, giới hạn trích lập và việc quản lý, sử dụng các quỹ quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định của Pháp Luật hiện hành.

Chương VI

TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ VÀ PHÁ SẢN CÔNG TY

Điều 38. Tổ chức lại Công Ty

- 38.1. Công Ty thực hiện chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi sau khi được UBCK chấp thuận.
- 38.2. Trình tự, thủ tục chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi thực hiện theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và pháp luật liên quan.

Điều 39. Giải thể

- 39.1. Công ty giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau:
 - a. Chủ Sở Hữu quyết định giải thể Công Ty trước thời hạn và được UBCK chấp thuận;
 - b. UBCK hoặc tòa án thu hồi Giấy phép Thành lập và Hoạt động của Công Ty theo quy định của Pháp Luật hiện hành;
 - c. Các trường hợp khác theo quy định của Pháp Luật.
- 39.2. Công Ty chỉ được giải thể khi Công Ty bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác của Công Ty và Công Ty không đang trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc cơ quan trọng tài.
- 39.3. Trình tự, thủ tục, hồ sơ giải thể thực hiện theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 40. Phá sản

Việc phá sản Công Ty được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng.

Chương VII

SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

Điều 41. Bổ sung và sửa đổi Điều Lệ

- 41.1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều Lệ này phải được Chủ Sở Hữu Công Ty xem xét quyết định.
- 41.2. Trong trường hợp có những quy định của Pháp Luật có liên quan đến hoạt động của Công Ty chưa được đề cập trong bản Điều Lệ này hoặc có những quy định mới của Pháp Luật khác với những quy định trong bản Điều Lệ này thì những quy định của Pháp Luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công Ty.

Chương VIII

HIỆU LỰC CỦA ĐIỀU LỆ

Điều 42. Ngày hiệu lực

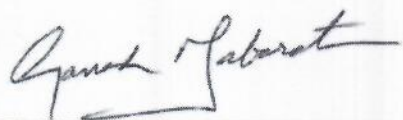
- 42.1. Bản Điều Lệ này gồm 8 Chương và 42 Điều, được Chủ Sở Hữu Công Ty chấp thuận hiệu lực toàn văn ngày 30 tháng 12 năm 2021 tại Hà Nội, Việt Nam.

- 42.2. Điều Lệ này được lập thành ba (03) bản bằng tiếng Anh và ba (03) bản bằng tiếng Việt, có giá trị như nhau. Trong trường hợp có sự khác nhau giữa bản tiếng Anh và bản tiếng Việt thì bản tiếng Việt được ưu tiên áp dụng.
- 42.3. Điều Lệ này là duy nhất và là Điều Lệ chính thức của Công Ty.
- 42.4. Các bản sao hoặc trích lục Điều Lệ Công Ty chỉ có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên hoặc tối thiểu hai Thành Viên của Hội Đồng Thành Viên hoặc người đại diện theo pháp luật của Công Ty.
- 42.5. Điều Lệ này có hiệu lực kể từ ngày được Chủ Sở Hữu chấp thuận, thay thế cho Điều Lệ trước đó của Công Ty ngày 19/03/2020.



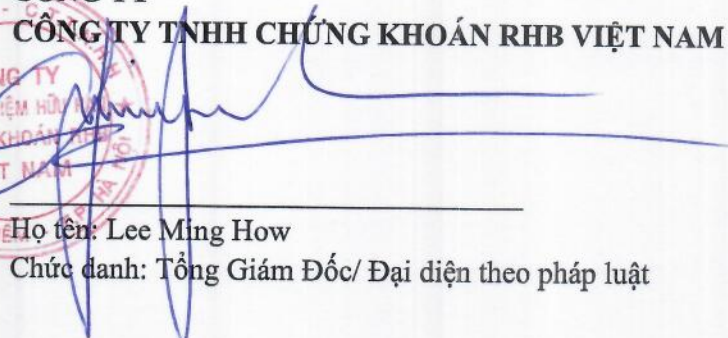
Ngày 30 tháng 12 năm 2021

CHỦ SỞ HỮU
THAY MẶT RHB INVESTMENT BANK BERHAD
(Kí, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Họ tên: Ganesaratnam M K Sabaratnam
Chức danh: Đại diện Ủy quyền của RHB Investment Bank Berhad

CÔNG TY
CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN RHB VIỆT NAM



Họ tên: Lee Ming How
Chức danh: Tổng Giám Đốc/ Đại diện theo pháp luật